TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25 / 8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Trần Thị Thu Hà**

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà Hà Thị Dung, cán bộ hưu phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên.

2 Ông Trần Tuấn Hưởng, cán bộ hưu phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hoài - Thư ký Toà án nhân dân TP Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Ông Nguyễn Minh Tốn - Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 93/2017/TLST- HNGĐ ngày 27/ 02/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/ 2017/QĐXX -ST ngày 14/ 7/2017 giữa các đương sự:

*Nguyên Đơn : Chị Phạm Thị Kim T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Tổ x, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Giáo viên; Văn hóa: Lớp 12/12.

(Có mặt tại phiên tòa)

*Bị Đơn : Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ x, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh ; nghề nghiệp: Kinh doanh; Văn hóa: Lớp 12/12.

(có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn chị Phạm Thị Kim T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh T kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có được đăng ký kết hôn tại UBND xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, khoảng hai năm nay thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ tháng 10/2016 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai.

Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh T để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Cao Đăng K, sinh ngày 19/7/2008 và Nguyễn Thuỳ D, sinh ngày 13/3/2010.

Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi trưởng thành, vì chị là giáo viên nên có điều kiện chăm sóc giáo dục con tốt hơn còn anh T do đặc điểm công việc thường xuyên phải đi công tác xa nên sẽ không đảm bảo việc chăm sóc giáo dục con được thường xuyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Thanh T khai: Anh xác nhận những thông tin mà chị T trình bày về thời gian kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung là đúng.

Nay chị T xin ly hôn**,** bản thân anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Cao Đăng K, sinh ngày 19/7/2008 và Nguyễn Thuỳ D, sinh ngày 13/3/2010.

Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01con chung là Nguyễn Thuỳ D đến khi trưởng thành, anh đảm bảo sẽ sắp xếp được thời gian để chăm sóc giáo dục con vì thời gian trước công ty mới thành lập, anh là giám đốc nên hay phải đi công tác nhưng nay công ty đã hoạt động ổn định, anh không Thường xuyên phải đi công tác xa nữa.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2017 cháu Nguyễn Cao Đăng K và cháu Nguyễn Thuỳ Dcó nguyện vọng muốn được ở với cả bố và mẹ.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ ỏn như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Về nôi dung vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Kim T và anh Nguyễn Thanh T.

+ Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thuỳ D, sinh ngày 13/3/2010 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Giao cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Cao Đăng K, sinh ngày 19/7/2008 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Về tài sản chung: không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Về án phí: chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về toàn bộ nội dung của vụ án nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến, Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được và đưa vụ kiện ra xét xử tại phiên tòa công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị Kim T và anh Nguyễn Thanh T đều có nơi cư trú tại thành phố Thái Nguyên như vậy theo quy định tại Điều 28, 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Về nội dung:

Chị Phạm Thị Kim T và anh Nguyễn Thanh T kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và được đăng ký kết hôn tại UBND xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn: Chị T trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự tôn trọng lẫn nhau từ đó dẫn đến không còn tình cảm gì với nhau nữa. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không hòa giải được, từ tháng 10/2016 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai, tại phiên toà hôm nay, chị T vẫn xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn để giải phóng cho nhau.

Anh Nguyễn Thanh T cũng nhất trí ly hôn vì xác định tình cảm không còn.

HĐXX thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị Kim T và anh Nguyễn Thanh T đã trầm trọng, quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đã thực sự tan vỡ, hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2016 đến nay không ai còn quan tâm đến ai, việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, mục đích hôn nhân không đạt được, Tại phiên toà, chị T, anh T nhất trí thuận tình ly hôn để giải phóng cho nhau, việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, 55 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung:

Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Cao Đăng K, sinh ngày 19/7/2008 và Nguyễn Thuỳ D, sinh ngày 13/3/2010.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi trưởng thành, còn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thuỳ D đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

" 1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; Trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".

Hội đồng xét xử xét thấy: Khi ly hôn, chị T và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi trưởng thành.

Xét về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì cả chị T và anh T đều đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Nguyện vọng của con chung là muốn được ở với cả bố và mẹ.

Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, tránh việc xáo trộn cuộc sống và việc học tập của các con nên Hội đồng xét xử quyết định, giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung Nguyễn Thuỳ D sinh ngày 13/3/2010 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung Nguyễn Cao Đăng K, sinh ngày 19/7/2008 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Về tài sản chung, về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Về án phí: Căn cứ Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Pháp lệnh án phí, lệ phớ Tòa án; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH chị T phải nộp 300.000đ án phí LHST vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 28,35, 39, 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51,55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2017/NQ- 326/ 2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Kim T.

Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Kim T và anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung:

Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung Nguyễn Thuỳ D, sinh ngày 13/3/2010 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung Nguyễn Cao Đăng K, sinh ngày 19/7/2008 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Anh T, chị T có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đó nộp là 200.000đ theo biên lại thu số 0001941 ngày 18/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, chị T còn phải nộp tiếp số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 100.000đ vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, chị T, anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

NƠI NHẬN
- VKSND TPTN
- TAND tỉnh TN
- Chi cục THATPTN
- Đ- ơng sự
- L- u HS; BP
- UBND xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, TN.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

TRẦN THỊ THU HÀ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 8 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Tuấn Hưởng

2/ Bà Hà Thị Dung

Căn cứ vào Điều 235 và Điều 264 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Vào hồi 10 giờ 30 phút , ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim T;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ; Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết nhất trí 3/3 những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về áp dụng điều luật:

Áp dụng điều 28,35, 39, 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51,55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 2, 6, 7, 9, 30

Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2017/NQ- 326/ 2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH

2. Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự:

Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Kim T.

Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Kim T và anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung:

Giao cho chị T trực tiếp nuôi d- ỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung Nguyễn Thuỳ Dsinh ngày 13/3/2010 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T trực tiếp nuôi d- ỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung Nguyễn Cao Đăng K, sinh ngày 19/7/2008 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Anh T, chị T có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ theo biên lại thu số 000 1941 ngày 18 / 11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, chị T còn phải nộp tiếp số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 100.000đ vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự: thời hiệu yêu cầu thi hành án đợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: các đương có quyền kháng cáo theo Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thu Hà

NƠI NHẬN
- VKSND TPTN
- TAND tỉnh TN
- Chi cục THATPTN
- Đ- ơng sự
- L- u HS; BP
- UBND phường Túc Duyên, TPTN.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

TRẦN THỊ THU HÀ